TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. **Ông Nguyễn Gia Khải**
2. **Bà Phạm Thị Hương**

**** Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu –** Thư ký Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà:*** **Bà Nguyễn Thị Lan Hướng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Ngọc A,** sinh năm 1999

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Quang Q**, sinh năm 1993

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Anh Q vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2023, bản tự khai ngày 14/12/2023 chị Nguyễn Ngọc A nguyên đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với Anh Q ngày 02/4/2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp không tìm được tiếng nói chung. Chị và Anh Q đã sống ly thân từ tháng 3/2023. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Quang Q.

* *Về con chung:* Chị và Anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh

ngày 07/02/2017 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Anh Q phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản và nợ:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2024 bà Lưu Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh Q) trình bày: Chị A và Anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bà, sau đó đi làm ăn tại Bắc Ninh, Chị A không quan tâm đến gia đình và không tôn trọng bố mẹ chồng nên Chị A và Anh Q có xảy ra mâu thuẫn. Hiện 2 con chung của Chị A và Anh Q ở cùng với bà thi thoảng Chị A có về thăm con. Hiện Anh Q đang làm ăn tại Hải Phòng nhưng do công việc bận mải không đến Tòa án làm việc được, các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo đầy đủ cho anh Q. Quan điểm của anh Q, Chị A xin ly hôn Anh Q đồng ý.

* *Về con chung:* Anh Q và Chị A có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/02/2017 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019. Ly hôn, Anh Q có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Chị A phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản và nợ:* Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Quang Q.

+ Về con chung: Chị A và Anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/02/2017 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019. Ly hôn, Chị A và Anh Q đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và hai bên không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyện vọng của chị A, Anh Q là chính đáng tuy nhiên trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là như nhau nên cần giao cho Anh Q trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang M và Chị A trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc B là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về tài sản và nợ: Chị A và Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:***

- Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Chị Avà Anh Qlà tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Quỳnh Phụ, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Quỳnh Phụ giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 04/6/2024, anh Nguyễn Quang Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Anh Q vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 24/6/2024, Anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Anh Q vẫn tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q. Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị A và Anh Q kết hôn ngày 02/4/2018 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp không tìm được tiếng nói chung. Chị A và Anh Q đã sống ly thân từ tháng 3/2023. Nay Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn Chị A xin ly hôn, Anh Q đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2023, UBND xã Q xác định Chị A và Anh Q có đăng ký kết hôn là hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên cụ thể thì địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình, trường hợp Chị A vẫn cương quyết đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các đương sự. Về con chung Chị A và Anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/02/2017 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo quyền lợi hợp pháp cho con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hòa giải để Chị A bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, Chị A vẫn cương quyết xin ly hôn, Anh Q cũng đồng ý. Vì vậy,

HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị A và Anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho Chị A được ly hôn với Anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] ***Về con chung:*** Chị Avà Anh Q có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/02/2017 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019. Ly hôn, Chị A và Anh Q đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và hai bên không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyện vọng của chị A, Anh Q là chính đáng tuy nhiên xét về trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con giữa chị A, Anh Q ngang nhau và để đảm bảo về cuộc sống của con chung được quan tâm, chăm sóc đầy đủ nên cần giao cho Anh Q trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang M là phù hợp với nguyện vọng của con chung và Chị A trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc B là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] ***Về tài sản:*** Chị A và Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Quang Q.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 22/01/2019 và Anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/02/2017. Hai bên không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị A, Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, Chị A đã nộp tại biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số 0004577 ngày 14/12/2023 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Nguyễn Quang Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thành